

Số: 700 /BC-UBND

Châu Thành, ngày 27 tháng 11 năm 2020

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực hiện Chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn huyện giai đoạn 2015 - 2020**

Thực hiện Công văn số 2321/VP-KGVX ngày 28/10/2020 của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc báo cáo tình hình thực hiện Chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2020.

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả triển khai thực hiện các Chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

**A. Kết quả thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển sau năm 2015**

**I. Công tác chỉ đạo, điều hành lồng ghép các chỉ tiêu của mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số trong giai đoạn 2015 - 2020**

#### **1. Ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện**

- Chương trình hành động số 11-CTr/HU ngày 19/8/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03 của Tỉnh ủy (khóa IX) “*về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2011-2015*” đến năm 2020;

- Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 30/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 01-KL/TU ngày 16/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU của Tỉnh ủy (khóa IX) “*về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2011-2015*” đến năm 2020;

- Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 23/10/2020 triển khai thực hiện Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã

hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn huyện Châu Thành, ...

## **2. Công tác tuyên truyền, phổ biến**

Kết quả có trên 244.343 lượt người được tuyên truyền, phổ biến về Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội, tình hình kinh tế, đời sống, văn hóa xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số tiếp tục phát triển, trật tự an toàn xã hội luôn ổn định.

## **II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số trong giai đoạn 2015 - 2020**

### **1. Kết quả xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg.**

- Tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu tổng quát, chỉ tiêu cụ thể tại Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây viết tắt là DTTS) gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng đội ngũ cán bộ là người DTTS, củng cố hệ thống chính trị làm cơ sở để thực hiện có hiệu quả các chương trình về giảm nghèo, phát triển kết cấu hạ tầng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS.

- Các ngành, các cấp có liên quan tổ chức quán triệt Quyết định số 1557/QĐ-TTg ngày 10/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ, các văn bản của huyện, của tỉnh về mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS cho cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân thống nhất hành động đạt hiệu quả.

- Nâng cao vai trò tham mưu của các cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện các chính sách dân tộc, tăng cường hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc tổ chức thực hiện và huy động cả hệ thống chính trị đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức cho cán bộ và đồng bào DTTS nỗ lực phấn đấu vươn lên.

- Hàng năm, lồng ghép các chỉ tiêu trong mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đối với đồng bào DTTS trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

### **2. Kết quả lồng ghép các chỉ tiêu thực hiện Quyết định số 1557/QĐ-TTg vào xây dựng chương trình chính sách.**

Qua thời gian thực hiện các chương trình, chính sách bộ mặt nông thôn vùng DTTS có nhiều thay đổi, chuyển biến rõ rệt, cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực. Đời sống văn hóa, xã hội từng bước được nâng lên, số thanh niên nông thôn được qua đào tạo nghề, số hộ được sử dụng điện, nước sinh hoạt hợp vệ sinh, xem truyền hình, ... đạt tỷ lệ ngày càng cao. Hệ thống kết cấu hạ tầng thực hiện từ các chương trình, chính sách, dự án được xây dựng và phát triển khá

đồng bộ, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Cụ thể:

- Diện tích gieo trồng lúa năm 2020 thực hiện 42.593 ha, so với năm 2015 tăng 319 ha, tương đương 0,65%, sản lượng từ 252.098 tấn năm 2015 tăng lên 274.250 tấn năm 2020, diện tích sử dụng giống lúa xác nhận trên 95%, đã cơ bản hoàn thành việc ứng dụng sản xuất lúa có chất lượng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và chế biến, duy trì mô hình cánh đồng mẫu lớn 1.050,35 ha, lúa hữu cơ sinh học trên 150 ha;

- Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển, số lượng đàn heo 59.090 con, giảm 6.695 con, tương đương 22,07%; đàn bò 56.000 con, tăng 8.367 con, tương đương 26,41%; đàn gia cầm 2.617.800 con, tăng 546.400 con, tương đương 118,26%; phát động mở rộng chăn nuôi đàn dê, số lượng 2.623 con, tăng 1.364 con, tương đương 214%;

- Cây màu ngày càng phát triển và được nhân rộng, diện tích trồng màu 4.857 ha, tăng 541 ha, tương đương 4,91%; triển khai sản xuất rau an toàn trên diện tích 105,7 ha, có 12 ha được chứng nhận đủ điều kiện sản xuất rau an toàn; 8,2 ha chứng nhận sản xuất rau theo tiêu chuẩn VietGAP; hình thành được vùng chuyên canh cây màu tại các xã Song Lộc, Hưng Mỹ, Hòa Lợi, Phước Hảo. Tổ chức 484 cuộc tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, có 12.976 lượt nông dân tham gia và 30 lớp đào tạo nghề ngắn hạn lĩnh vực nông nghiệp;

- Hệ thống kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện; giao thông thủy kết nối thông suốt, thuận tiện giữa các xã cù lao với vùng tiếp giáp; giao thông bộ phần lớn được cứng hóa, phủ đều vùng sâu, một số vùng nội đồng; các trục quốc lộ, tỉnh lộ hầu hết được trên quan tâm đầu tư nâng cấp khá đồng bộ, 100% số xã đạt tiêu chí giao thông theo tiêu chí nông thôn mới. Đến nay, toàn huyện có 202 km đường nhựa, 488 km đường đal, 359 cây cầu bê tông cốt thép, tổng chiều dài 7.096m; có đường ô tô đến trung tâm cụm xã của 10/10 xã, thị trấn có đồng đồng bào DTTS sinh sống; phát triển mới 25,67 km đường dây trung thế, 75,6 km đường dây hạ thế, cải tạo 11,8 km đường dây trung thế và 48,16 km đường dây hạ thế, xây dựng lắp đặt mới và nâng công suất 56 trạm biến áp;

- Phát triển mới 2.109 hộ sử dụng điện, nâng đến nay có 38.978 hộ sử dụng điện, đạt 99,6% (hộ dân tộc thiểu số sử dụng điện đạt 97,37%); nước hợp vệ sinh đạt 100%. Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học trong độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở, trung học phổ thông. Tỷ lệ học sinh DTTS đi học trong độ tuổi bậc tiểu học đạt 100% (2.513/2.513 em), trung học cơ sở đạt 100% (806/806 em), tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học cấp tiểu học đạt 100%, cấp Trung học cơ sở được xét công nhận tốt nghiệp đạt 98,88. Hạ tầng y tế, bưu chính, viễn thông tiếp tục được quan tâm đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo DTTS còn 914 hộ, chiếm 6,86% so tổng số hộ DTTS (912 hộ nghèo DTTS, chiếm 6,45% so tổng số hộ DTTS), thu nhập bình quân đầu người đạt 50,6 đồng/người/năm .

### 3. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu của mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số (kèm theo phụ lục 01)

#### III. Thuận lợi, khó khăn

##### 1. Thuận lợi:

- Các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và chính sách đặc thù của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành kịp thời, đáp ứng yêu cầu phát triển và nguyện vọng của nhân dân, tạo sự đồng thuận trong xã hội. Sự quan tâm lãnh đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự hỗ trợ của các sở, ban, ngành tỉnh giúp Ủy ban nhân dân huyện kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

- Trong chỉ đạo xác định những nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm để tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; kịp thời cụ thể hóa chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, nhất là Chương trình hành động của Ban Thường vụ Huyện ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-TU của Tỉnh ủy (khóa IX) “*về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2011-2015*” đến năm 2020;

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể cùng cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện được quán triệt và nhận thức rõ quan điểm về chính sách dân tộc và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động phát triển kinh tế - xã hội vật chất, tinh thần của đồng bào DTTS trong huyện không ngừng được nâng lên.

- Kết cấu hạ tầng được đầu tư trong nhiều năm qua đã và đang phát huy hiệu quả, làm tăng năng lực mới cho địa phương.

- Kịp thời thành lập, củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo và phân công các cơ quan chuyên môn theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện; tổng hợp tình hình, đề xuất bổ sung những giải pháp mới phù hợp trong từng thời gian cụ thể.

##### 2. Hạn chế:

- Công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong vùng có đông đồng bào DTTS chưa sâu, rộng khắp từng lúc thiếu kịp thời.

- Tăng trưởng kinh tế chưa thật sự ổn định; liên kết tiêu thụ hàng hóa nông sản còn hạn chế; việc ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ còn ít. Chưa phát huy hết hiệu quả cũng như giá trị sử dụng đất nông nghiệp, chất lượng hàng hóa nông sản còn thấp.

- Kinh tế trong vùng đồng bào DTTS tuy có bước phát triển nhưng chưa đồng bộ so với mặt bằng chung; công tác phát động chuyển dịch sản xuất chưa sâu rộng, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ mang tính tự phát; lao động có việc làm thường xuyên thiếu ổn định; tính năng động, sáng tạo, tự lực vươn lên của một số ít nhân dân trong vùng có đông đồng bào DTTS còn hạn chế, đời sống của một bộ phận đồng bào DTTS còn gặp khó khăn.

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp từng lúc, từng việc chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ.

#### IV. Nhiệm vụ, giải pháp:

- Tiếp tục triển khai, tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 10/01/2018 của Ban Bí thư “về tăng cường công tác ở vùng đồng bào DTTS trong tình hình mới”; các chính sách đặt thù của Thủ tướng Chính phủ; Kết luận số 01-KL/TU ngày 16/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03/NQ-TU của Tỉnh ủy (khóa IX) “*về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2011 – 2015*” đến năm 2020,...

- Tập trung thực hiện có hiệu quả kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp, nâng cao giá trị sản xuất. Xây dựng liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất, tiêu thụ và chế biến, liên kết hài hòa giữa nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp, nhằm giảm chi phí, nâng cao hiệu quả hướng đến sản xuất quy mô lớn; phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Thực hiện tốt việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng các loại cây, con giống có hiệu quả cao hơn. Sản xuất đi đôi bảo vệ môi trường sinh thái, an toàn dịch bệnh, có khả năng ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu. Phát triển sản xuất lúa bằng các giải pháp đồng bộ; xây dựng và phát triển mô hình cánh đồng lớn tại các xã Thanh Mỹ, Mỹ Chánh, Đa Lộc, Lương Hòa A, Phước Hảo, Song Lộc, ...; tăng tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao, giống xác nhận đạt 98%; tập trung sản xuất một số cây rau màu chủ lực theo hướng an toàn có nhãn hiệu chỉ dẫn địa lý và có thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất; cải tạo lại vườn dừa, vườn cây ăn trái theo hướng thâm canh tăng năng suất.

- Thực hiện đồng bộ các chương trình, chính sách, dự án và lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực trên địa bàn. Huy động, tranh thủ các nguồn vốn hợp lý cho chương trình, chính sách liên quan đến đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó trọng tâm là các lĩnh vực: Giảm nghèo, an sinh xã hội, nhất là ở vùng khó khăn, xã, ấp đặc biệt khó khăn, xã có đông đồng bào DTTS, đồng thời tăng cường sự tham gia của người dân, tổ chức đoàn thể, cộng đồng xã hội trong việc hỗ trợ nguồn lực để góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Tổ chức thực hiện tốt công tác giáo dục và đào tạo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, từng bước nâng mặt bằng dân trí. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường lớp. Thực hiện nghiêm quy chế và chỉ tiêu hàng năm về tuyển sinh và cử tuyển học sinh là người dân tộc thiểu số, thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục trung học phổ thông, phổ cập nghề, vận động và tạo điều kiện cho con em đồng bào dân tộc trong độ tuổi được đến trường, nâng cao chất lượng dạy và học của Trường Phổ thông Dân tộc nội trú - Trung học cơ sở huyện, tạo điều kiện cho chư tăng và thanh niên người DTTS học song ngữ. Tiếp tục nâng cao hiệu quả phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”; phòng chống và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan và các hủ tục lạc hậu; củng cố, nâng cao chất lượng các ấp, khóm văn hóa, các chùa DTTS đã được công nhận, các cơ sở thờ tự văn minh để phát huy, nhân rộng. Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, Trạm truyền thanh các xã, thị trấn tăng cường chương trình tiếp âm tiếng

DTTS. Quan tâm phát triển phong trào văn nghệ, thể thao; giữ gìn và phát huy các loại hình văn hóa truyền thống, các di sản văn hóa dân tộc, phong tục tập quán tốt đẹp của đồng bào; khuyến khích việc sưu tầm, sáng tác những tác phẩm văn học, nghệ thuật ca ngợi truyền thống đoàn kết, phản ánh cuộc sống của đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước. Tiếp tục thực hiện tốt chương trình y tế quốc gia, dân số - kế hoạch hóa gia đình, tăng cường bác sỹ về công tác ở vùng có đông đồng bào DTTS, đầu tư trang thiết bị trạm y tế các xã, thị trấn đáp ứng yêu cầu điều trị bệnh cho Nhân dân vùng có đông đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường mở các lớp dạy nghề ngắn hạn, giải quyết việc làm tại chỗ gắn với tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững.

- Quán triệt thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc, chú trọng chấp hành nghiêm chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền về Lịch sử vùng đất Nam bộ Việt Nam, các chính sách đối ngoại, Hiệp ước về biên giới được Chính phủ hai nước Việt Nam và Campuchia ký kết; nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật. Triển khai đồng bộ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; giữ vững xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh. Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, đoàn kết tôn giáo; kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, không để lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để vu cáo, xuyên tạc, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc, làm mất ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết kịp thời đơn, thư khiếu nại, tố cáo của công dân không để tồn đọng kéo dài, đảm bảo chính xác, đúng quy định của pháp luật; chú trọng công tác hòa giải tại cơ sở.

- Quan tâm tạo nguồn bồi dưỡng, kết nạp đảng viên người DTTS bảo đảm đáp ứng yêu cầu cán bộ kế thừa trước mắt và lâu dài; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ dân tộc một cách hợp lý, chú ý cán bộ trẻ, nữ, có năng lực, có uy tín để đề bạt, bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, quản lý, khắc phục tình trạng hẫng hụt. Lãnh đạo các đoàn thể không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phối hợp với chính quyền thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn giáo dục chính trị với chăm lo quyền lợi và đời sống Nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua các phong trào, tích cực củng cố bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán là người dân tộc thiểu số, phát triển đoàn viên, hội viên các đoàn thể trong vùng có đông đồng bào dân tộc. Vận động đồng bào thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng; duy trì và phát huy tốt truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự xã hội, xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, tiến bộ góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển toàn diện vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

**B. Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020 định hướng đến năm 2030.**

## **I. Tình hình triển khai Nghị quyết.**

### **1. Công tác tuyên truyền, phổ biến.**

Thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020 định hướng đến năm 2030. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể huyện, xã, thị trấn tổ chức triển khai, quán triệt và tuyên truyền được 4.073 cuộc, có 244.343 lượt người dự, trong đó có 4.209 đảng viên, đạt 97,82%, 142.396 hội viên các đoàn thể đạt trên 82% và quần chúng nhân dân đạt trên 65%, (trong đó đồng bào dân tộc DTTS tham dự đạt trên 75% so với tổng số lượt người tham dự).

### **2. Xây dựng, ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện.**

Trên cơ sở Quyết định số 52/QĐ-CP của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Huyện ủy. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng và ban hành Quyết định số 09/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 52/NQ-CP của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 30/02/2017 về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 01-KL/TU ngày 16/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chương trình hành động số 11-CTr/HU ngày 19/8/2016 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 03 của Tỉnh ủy (khóa IX) “*về tiếp tục phát triển toàn diện vùng đồng bào DTTS giai đoạn 2011-2015*” đến năm 2020, ...

## **II. Kết quả thực hiện Nghị quyết.**

### **1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu của Nghị quyết (kèm theo phụ lục số 02)**

#### **2. Kết quả thực hiện các chính sách phát triển nguồn nhân lực DTTS** - *Phát triển giáo dục - đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số.*

Hệ thống trường lớp, cơ sở vật chất luôn được quan tâm đầu tư, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học; 10/10 xã, thị trấn có đồng đồng bào DTTS có cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho việc dạy và học; chất lượng dạy và học của Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Trung học cơ sở được nâng lên. Toàn huyện có 55 điểm trường, 100% các phòng học được kiên cố và bán kiên cố; xây dựng 15 trường đạt chuẩn quốc gia (có 7 trường trong vùng đồng bào DTTS). Sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục có nhiều chuyển biến tích cực; toàn huyện có 1.477 giáo viên, trong đó giáo viên người DTTS 320, chiếm 4,61% so với tổng số giáo viên; tỷ lệ học sinh DTTS đi học trong độ tuổi đạt 99,9% và tốt nghiệp ở các cấp học đều tăng hàng năm; xét cử tuyển 112 học sinh DTTS vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp để tạo nguồn nhân lực lâu dài cho địa phương.

Công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và giải quyết việc làm cho người lao động được thường xuyên quan tâm, kết quả đã giải quyết việc làm mới cho 64.570 lao động, trong đó có 22.009 lao động là người DTTS, tổ chức đào tạo nghề được 415 lớp, có 12.452 học viên (trong này theo Đề án 1956 có 2.273 người

thuộc đối tượng người có công, người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo) nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 63,69%. Số lao động sau học nghề đã có việc làm hoặc tự tạo được việc làm đạt trên 70%, góp phần nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực của địa phương.

## **2. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; củng cố an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện**

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên luôn được quan tâm, việc học tập, quán triệt các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, học tập tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và các lớp bồi dưỡng lý luận chính trị luôn được đổi mới về nội dung và hình thức phù hợp, góp phần nâng cao nhận thức chính trị, xây dựng lập trường tư tưởng vững vàng cho cán bộ đảng viên nói chung và cán bộ, đảng viên DTTS nói riêng. Hầu hết cán bộ đảng viên người DTTS luôn thực hiện tốt các chủ trương, Nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý là người DTTS luôn được các cấp ủy quan tâm; đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, tỷ lệ được cơ cấu vào cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể các cấp ngày càng tăng, cán bộ người DTTS được bầu vào cấp ủy huyện chiếm 19,5% (tăng 1,4%), cấp ủy cơ sở chiếm 19,67% (tăng 33,33%); tỷ lệ đại biểu người DTTS tham gia Hội đồng nhân dân cấp huyện chiếm 28,57%, cấp cơ sở chiếm 23,94%; hiện có 389 cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS, Hoa đang công tác tại các phòng, ban, ngành huyện.

Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng, đã đưa đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức, kỹ năng chuyên ngành, vị trí việc làm,... cho 2.982 lượt cán bộ, công chức, viên chức, trong đó có 885 nữ, 271 DTTS. Đưa vào diện quy hoạch các chức danh chủ chốt, chức danh lãnh đạo các phòng, ban, ngành huyện 32 cán bộ, công chức, trong đó có 17 nữ. Đưa đi đào tạo sau đại học 09 cán bộ, công chức; cao cấp lý luận chính trị 23 cán bộ, công chức và trung cấp lý luận chính trị 84 cán bộ, công chức.

Hệ thống chính trị trong vùng đồng bào DTTS từng bước được củng cố và tăng cường theo hướng trong sạch vững mạnh, duy trì chế độ tự phê bình và phê bình trước quần chúng nhân dân, thật sự là cầu nối để Nhân dân tham gia đóng góp xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 04-CT/TU, ngày 08/10/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy "về việc tăng cường công tác phát triển đảng viên là người dân tộc dân tộc thiểu số, Hoa"; Công văn số 210-CV/TU, ngày 02/6/2008 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh "về việc kết nạp đảng viên là thành viên Ban Quản trị chùa DTTS". Đã kết nạp được 805 đảng viên, nâng tổng số có 5.658 đảng viên của toàn huyện, trong đó đảng viên người DTTS 1.085 đồng chí, chiếm 21,35% so với tổng số đảng viên trong đảng bộ



huyện; đã khắc phục cơ bản tình trạng chi bộ ấp, khóm có đông đồng bào DTTS nhưng không có đảng viên là người DTTS.

Quan tâm đổi mới nội dung, phương pháp dân vận trong vùng đồng bào DTTS với phương châm “*chân thành, tích cực, thận trọng, kiên trì, tế nhị, vững chắc*” và phong cách “*trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân, có trách nhiệm với dân*”. Thường xuyên củng cố tổ chức hội và phát triển đoàn viên, hội viên theo hướng hiệu quả, thiết thực; thông qua các phong trào thi đua yêu nước đã phát triển tập hợp được 19.343 đoàn viên, hội viên là dân tộc thiểu số (*trong đó dân tộc Hoa 128*), chiếm 30,6% so tổng số đoàn viên, hội viên (*tham gia một tổ chức*).

Triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh; chủ động nắm tình hình giải quyết kịp thời những vấn đề bức xúc, các mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện trong nhân dân, nhất là các vụ việc liên quan đến dân tộc, tôn giáo. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, đề cao cảnh giác, đấu tranh ngăn chặn hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch, các phần tử xấu lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chống phá cách mạng; chú trọng công tác vận động và phát huy vai trò chức sắc, chức việc tôn giáo, người có uy tín trong đồng bào dân tộc góp phần giữ vững ổn định tình hình an ninh chính trị trên địa bàn huyện.

### **3. Phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác giảm nghèo bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số**

Lĩnh vực phát triển sản xuất nông nghiệp trong vùng đồng bào DTTS được Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhất là việc chuyển đổi sản xuất từ lúa kém hiệu quả sang nuôi trồng các loại cây, con giống có hiệu quả. Sản xuất đi đôi bảo vệ môi trường sinh thái, an toàn dịch bệnh, có khả năng ứng phó với tình hình biến đổi khí hậu. Phát triển sản xuất lúa bằng các giải pháp đồng bộ; xây dựng và phát triển mô hình cánh đồng lớn tại các xã Thanh Mỹ, Mỹ Chánh, Đa Lộc, Lương Hòa A, Phước Hào, Song Lộc...; tăng tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao, giống xác nhận đạt 98%; tập trung sản xuất một số cây rau màu chủ lực theo hướng an toàn có nhãn hiệu chỉ dẫn địa lý và có thị trường tiêu thụ, ứng dụng công nghệ cao vào trong sản xuất;

Tổ chức thực hiện tốt các chính sách của Đảng và Nhà nước, nhất là chương trình giảm nghèo bền vững trong xã có đông đồng bào DTTS, kết quả có 1.664 lượt hộ nghèo được hỗ trợ từ các chương trình, dự án. Song song đó, huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, giảm nghèo đạt được nhiều kết quả, đã giải quyết việc làm mới cho 64.570 lao động, trong đó có 22.009 lao động là người DTTS, vận động đưa 248 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, trong đó giải quyết cho vay vốn xuất khẩu lao động được 33 lượt lao động là người dân tộc thiểu số, với số tiền 1.659 triệu đồng.

Thực hiện nguồn vốn Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn và từ các nguồn vốn của chương trình, dự án khác từ năm 2016 - 2020 đã tổ chức đào tạo

được 415 lớp, có 12.452 học viên (trong này đối tượng theo Đề án 1956 trên địa bàn huyện đã tổ chức dạy nghề cho 1.146 người khuyết tật; 2.273 người thuộc đối tượng người có công, người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo) nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề đạt 63,69%. Số lao động sau học nghề đã có việc làm hoặc tự tạo được việc làm đạt trên 70%, ... Từ kết quả trên, công tác giảm nghèo trong 5 năm toàn huyện có 4.487 hộ thoát nghèo, giảm từ 16,02 % năm 2016 xuống còn 2,89 % năm 2020. Riêng tỷ lệ hộ nghèo DTTS giảm từ 25,39% xuống còn 6,45%. Nhìn chung công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, giảm nghèo đạt kế hoạch hàng năm đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân trong vùng có đông đồng bào DTTS.

#### **4. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc**

Hệ thống kết cấu hạ tầng nông thôn trong vùng đồng bào dân tộc không ngừng được đầu tư xây dựng, nâng cấp. Đã huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng và đưa vào sử dụng 118 km đường nhựa, 216 km đường đal; nâng đến nay có 202 km đường nhựa, 488 km đường đal. Xây dựng mới 109 cầu bê tông cốt thép, tổng chiều dài 2.089 m; nâng đến nay có 359 cầu, tổng chiều dài 7.096 m. Tổng số vốn đầu tư 498,6 tỷ đồng (trong đó: nhân dân đối ứng 11,5 tỷ đồng và hiến 24.147,9 m<sup>2</sup> đất để làm đường); có đường ô tô đến trung tâm cụm xã của 10/10 xã, thị trấn có đông đồng bào dân tộc, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa và đi lại. Phát triển mới 25,67 km đường dây trung thế, và 75,6 km đường dây hạ thế; cải tạo 11,8 km đường dây trung thế và 48,16 km đường dây hạ thế, xây dựng lắp đặt mới và nâng công suất 56 trạm biến áp với dung lượng 8.910 kVA, tổng vốn đầu tư 82,9 tỷ đồng. Phát triển mới 2.109 hộ sử dụng điện; nâng đến nay có 38.978 hộ sử dụng điện, đạt 99,6% (NQ 99%). Hạ tầng y tế, giáo dục, bưu chính, viễn thông tiếp tục được quan tâm đầu tư đáp ứng nhu cầu phát triển.

#### **5. Phát triển toàn diện các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân**

Công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho nhân dân vùng đồng bào DTTS ngày càng được quan tâm hơn; toàn huyện có 18 cơ sở khám, chữa bệnh; có 155 giường bệnh; chất lượng hoạt động mạng lưới y tế cơ sở có nhiều chuyển biến, đạt tỷ lệ 4 bác sỹ/10.000 dân, tỷ lệ giường bệnh đạt 39,9/10.000 dân. Có 10/10 trạm y tế, phòng khám Đa khoa khu vực vùng đồng bào DTTS có bác sỹ, đạt 100%.

Có 12/14 trạm y tế xã, thị trấn được công nhận và tái công nhận đạt chuẩn Quốc gia về y tế, đạt 85,71% (vùng có đông đồng bào DTTS có 8/10 trạm y tế đạt chuẩn); toàn huyện có 228 cán bộ y tế; trong đó cán bộ y tế người DTTS 75 người, chiếm 32,89% (có 14 bác sỹ). Các Trạm Y tế và Phòng khám Đa khoa khu vực các xã, thị trấn đã làm tốt công tác khám và chữa bệnh cho nhân dân, bảo hiểm y tế được mở rộng, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên rõ rệt; các chương trình y tế quốc gia, phòng, chống dịch bệnh, kế hoạch hóa gia đình được triển khai thực hiện rộng khắp, từ đó trên địa bàn huyện không xảy ra các loại dịch bệnh nguy

hiểm ở người. Thực hiện chính sách mua bảo hiểm y tế cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ dân tộc thiểu số đang sinh sống tại xã đặc biệt khó khăn đạt 100%.

### **6. Bảo tồn, phát triển văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số**

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII “*về xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*”. Văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS trên địa bàn huyện tiếp tục được bảo tồn và phát huy, phong tục tập quán được tôn trọng, bản sắc văn hóa dân tộc được quan tâm xây dựng phát triển, tình đoàn kết, tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất và đời sống ngày càng gắn bó. Phong trào văn nghệ quần chúng được khôi phục và phát triển, nhất là trong vùng đồng bào DTTS, nổi bật nhất là Đội Văn nghệ chùa Kompong - Thmor áp Ba Se A, xã Lương Hòa và Đội Chhaydăm áp Giồng Lức, xã Đa Lộc. Tính đến nay toàn huyện có 29 dàn nhạc cổ truyền DTTS (tăng 4 dàn nhạc cổ truyền), 19 đội nhạc ngũ âm (tăng 04 đội); 08 đội Chhaydăm; 01 đội hát Rô Băm, 02 đội ghe Ngo được củng cố. Gắn liền với các ngày lễ hội của đồng bào DTTS, huyện tham gia các hội thi đua ghe Ngo, hội thi văn nghệ quần chúng và tổ chức giải bóng chuyền dân tộc, kết quả có nhiều đội tham gia và đạt nhiều giải thưởng; nghề điêu khắc DTTS được duy trì và phát triển nổi bật là ở chùa Kom-Pong-Ni-Krôt thị trấn Châu Thành và chùa Knông - Srôc áp Qui Nông B xã Hòa Lợi; đồng thời giữ gìn, bảo tồn bản sắc văn hóa của người DTTS. Đặc biệt, trong năm 2018 được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quyết định cấp Bằng công nhận khu di tích Khảo cổ Bờ Lũy chùa Lò Gạch (Kom Pong Thmo), áp Ba Se A, gắn với xây dựng ấp văn hóa - du lịch; công nhận 05 nghệ nhân ưu tú của huyện. Phong trào xây dựng ấp, khóm, gia đình văn hóa và cơ sở thờ tự văn minh, ngày càng được đồng bào Sư sãi người DTTS hưởng ứng tham gia thực hiện tích cực.

Công tác bảo tồn di tích lịch sử được quan tâm, toàn huyện có 03 chùa di tích lịch sử cách mạng cấp tỉnh, 01 chùa di tích lịch sử cấp quốc gia (chùa Lò Gạch).

### **7. Tập trung đầu tư phát triển địa bàn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số**

Theo Quyết định số 582/QĐ-TTg, ngày 28/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ huyện có 04/14 xã, thị trấn đặc biệt khó khăn; 06/14 xã, thị trấn khu vực II; 14/108 ấp, khóm đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2016 - 2020. Từ nguồn vốn phân bổ hàng năm, kết hợp với các nguồn vốn lồng ghép khác. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các ngành chức năng phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã có ấp đặc biệt khó khăn tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình đầu tư, hỗ trợ, để phát triển kinh - xã hội. Từ đó, các địa bàn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số có 100% trung tâm xã, ấp có điện sinh hoạt và phục vụ sản xuất; 100% hộ gia đình được sử dụng nước hợp vệ sinh; trên 90% công trình thủy lợi nhỏ đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho diện tích cây hàng năm; Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và từng bước hoàn thiện; cải tạo, nâng cấp các phòng học của các điểm trường đảm bảo cơ sở vật chất đáp ứng cho yêu cầu giảng dạy và nhu cầu học tập của học sinh. Công tác chuyển đổi ngành nghề, các

chính sách hỗ trợ trực tiếp cho đồng bào luôn được quan tâm thực hiện đảm bảo sử dụng đúng mục đích và hiệu quả.

### **8. Đảm bảo nước sinh hoạt, môi trường sống vùng dân tộc thiểu số**

Trên địa bàn huyện có 01 công trình cung cấp nước máy, 22 đài cấp nước tập trung, cùng với việc thực hiện có hiệu quả từ các chính sách hỗ trợ khác và sự đầu tư của các hộ gia đình trên địa bàn huyện, đến nay hộ dân tộc DTTS sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%; làm tốt công tác thủy lợi nội đồng, đến nay đã nạo vét, đào mới trên 1.000 tuyến kênh cấp II, III và lấp đặt trên 190 cống, bọng trên các tuyến kênh phục vụ nước tưới tiêu đảm bảo cho sản xuất nông nghiệp. Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch và phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường. Đầu tư xây dựng và nâng cấp 04 bãi rác tập trung liên xã trên địa bàn huyện. Vận động các tổ chức, cá nhân xây dựng các điểm giết mổ và nuôi gia súc, gia cầm theo tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới nhằm đảm bảo môi trường sống, môi trường sản xuất, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

### **9. Phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ**

Thực hiện tốt việc ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ vào sản xuất, nhiều loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện được sử dụng giống mới có năng suất, chất lượng cao; công tác tập huấn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, thủy sản có sự tập trung cao và đáp ứng được tình hình, nhiệm vụ (tổ chức 484 cuộc tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, có 12.976 lượt nông dân tham gia); phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện một số đề tài nghiên cứu, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh (Dự án “Xây dựng mô hình trồng thanh long ruột đỏ kết hợp sử dụng chế phẩm (Ma, Bb, Pae); Dự án “Chuyển giao kỹ thuật vỗ béo bò thịt bằng phụ phẩm nông nghiệp tại tỉnh Trà Vinh”; Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất lúa hữu cơ trong hệ thống canh tác lúa - tôm và phát triển mô hình liên kết sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trên vùng cù lao huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh”). Tiếp tục mở rộng diện ứng dụng công nghệ sản xuất hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao (Mô hình sản xuất rau an toàn thủy canh hồi lưu trong nhà màng; Mô hình trồng dưa sáp cây mô, ...). Trên địa bàn huyện có 02 điểm đo quan trắc môi trường nước (Hung Mỹ, Long Hòa) được thông tin hàng ngày trên sóng Đài phát thanh và truyền hình Trà Vinh. Ngoài ra, Tập đoàn Rynan (Mỹ Lan) tài trợ 01 phao quan trắc môi trường nước đặt tại sông Bến Bạ (Hòa Minh) ứng dụng hệ thống điện toán đám mây 15 phút cập nhật một lần trên ứng dụng Internet, góp phần rất lớn trong việc ứng phó biến đổi khí hậu và chủ động sản xuất của người dân. Triển khai, thực thi pháp luật về bảo hộ sở hữu trí tuệ; kết quả có 17 tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ nhãn hiệu độc quyền, 02 cơ sở/doanh nghiệp đăng ký áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng (công cụ 5s và Kaizen, chuẩn ISO 9001:2015) được Sở Khoa học và Công nghệ hỗ trợ.

## **III. Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết**

### **1. Đánh giá chung**

- Trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền từ huyện đến cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo phát triển nguồn nhân lực nói chung và nguồn nhân lực

trong đồng bào dân tộc DTTS nói riêng, đã tập trung dành nhiều nguồn lực để đầu tư cho công tác đào tạo nhân lực có tay nghề. Nghị quyết đã được cấp ủy Đảng, chính quyền và các cơ quan chuyên môn triển khai, thực hiện nghiêm túc với tinh thần trách nhiệm cao, nhiều nhiệm vụ và giải pháp đã được cụ thể hóa sát với thực tế nhằm đổi mới và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nhân lực có tay nghề.

- Cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện quán triệt và nhận thức tốt quan điểm về công tác dân tộc, chính sách dân tộc và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS trong thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào DTTS trong huyện không ngừng được nâng lên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững.

- Hệ thống chính trị trong vùng đồng bào dân tộc DTTS từng bước được củng cố và tăng cường theo hướng trong sạch vững mạnh. Kinh tế, văn hoá, xã hội của huyện nói chung và trong vùng đồng bào DTTS nói riêng đã có bước phát triển khá; thu nhập bình quân đầu người hiện nay đạt 50,6 triệu đồng/người/năm. Hệ thống kết cấu hạ tầng được xây dựng và phát triển đồng bộ, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

## **2. Khó khăn, hạn chế**

- Huyện chưa đủ nguồn lực đầu tư phát triển cho các xã có đông đồng bào dân tộc; cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở một số nơi nhận thức về công tác dân tộc, chính sách dân tộc chưa đầy đủ và sâu sắc; việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình ở một số địa phương thiếu quyết liệt;

- Kinh tế trong vùng đồng bào DTTS tuy có bước phát triển, nhưng chưa đồng bộ so với mặt bằng chung; công tác phát động chuyển dịch sản xuất thiếu sâu rộng, quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, mang tính tự phát. Lao động trong đồng bào dân tộc chủ yếu tập trung lĩnh vực nông nghiệp, tác phong, kỷ luật lao động còn hạn chế, lao động có việc làm thường xuyên thiếu ổn định. Nhận thức của một bộ phận người nghèo, người lao động về học nghề, việc làm, xuất khẩu lao động, giảm nghèo chưa cao.

- Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực trong đồng bào dân tộc DTTS chưa theo kịp sự phát triển và yêu cầu thực tiễn; trình độ tay nghề, chuyên môn kỹ thuật cao chưa nhiều; còn một số nơi cơ cấu, bố trí cán bộ DTTS vào cấp ủy, vào cán bộ chủ chốt chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định;

- Sự phối hợp giữa các ngành, các cấp trong thực hiện các chính sách về nguồn nhân lực trong đồng bào DTTS từng lúc, từng việc chưa tốt, thiếu nhịp nhàng và thiếu sơ kết đánh giá rút kinh nghiệm.

## **IV. Đề xuất, kiến nghị:**

### **1. Phương hướng chung**

- Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, phát huy tinh thần đoàn kết, bình đẳng các dân tộc, nâng cao hơn nữa ý thức tự lực tự cường, thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững. Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, hỗ trợ trang thiết bị cho các cơ sở y tế ở tuyến xã; ưu tiên hướng dẫn, tập huấn, đào tạo nghề và tạo việc làm cho người dân tộc DTTS.

- Tiếp tục có những chính sách đặc thù thật cụ thể, nhất là chính sách phát triển nguồn nhân lực đối với đồng bào dân tộc thiểu số (hiện nay thực hiện chính sách này chủ yếu là lồng ghép), nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch mức sống giữa các dân tộc và các địa phương trong huyện, đi đôi thực hiện tốt công tác dân tộc, chính sách dân tộc.

- Tiếp tục hoàn thiện chính sách phát triển giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số phục vụ phát triển bền vững, nâng cao trình độ dân trí, nhất là giáo dục và đào tạo trong vùng đồng bào DTTS. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; nâng cao mức hưởng thụ văn hóa, đi đôi với bảo tồn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS.

- Tăng cường đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện, kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với đảm bảo an ninh quốc phòng, chú trọng vùng có đông đồng bào DTTS; gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề bức xúc về xã hội. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn làm vô hiệu hóa âm mưu, thủ đoạn hoạt động chống phá cách mạng của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, xuyên tạc lịch sử vùng đất Nam bộ Việt Nam, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

- Tập trung xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở các xã có đông đồng bào DTTS trong sạch, vững mạnh; thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, điều động đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là người DTTS có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng được yêu cầu công tác trước mắt và lâu dài. Nâng cao vai trò, vị trí của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong việc tham gia thực hiện tốt chính sách dân tộc của Đảng.

## **2. Những giải pháp cụ thể nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện Nghị quyết giai đoạn 2020 - 2030**

*\* Phát triển giáo dục, đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực người dân tộc thiểu số*

Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 8 (khóa XI) “*về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”. Tiếp tục quy hoạch, sắp xếp lại mạng lưới trường lớp; phát triển các loại hình giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu học tập của xã hội. Xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có đủ trình độ năng lực, tâm huyết với nghề, có cơ cấu hợp lý đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới, nhất là thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới. Phối hợp tốt giữa nhà trường với gia đình, các đoàn thể, tổ chức xã hội trong quản lý, giáo dục trẻ em; giáo dục truyền thống, lý tưởng, đạo đức, ý thức, trách nhiệm, kỹ năng sống cho học sinh trong

trường học, phân đầu tỷ lệ trẻ em dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi bậc tiểu học đạt 100% và hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Mở rộng việc dạy chữ DTTS ở các trường tiểu học ở các xã có đông học sinh là người dân tộc DTTS; tăng cường số lượng, chất lượng đội ngũ giáo viên là người dân tộc thiểu số; thực hiện tốt việc hỗ trợ kinh phí cho giáo viên, các vị Á cha dạy chữ DTTS trong các chùa Nam tông Khmer vào các dịp hè.

Thực hiện có hiệu quả chính sách cử tuyển dành cho các em dân tộc thiểu số vào học tại các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp theo quy định của Chính phủ. Tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên là người dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn được Chính phủ ban hành. Nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, dạy nghề cho thanh niên đặc biệt là thanh niên người dân tộc thiểu số trong huyện.

Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao là người dân tộc thiểu số. Đẩy mạnh công tác giáo dục, phổ biến, tuyên truyền pháp luật vùng dân tộc thiểu số. Chú trọng đến công tác xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp, luật sư là người dân tộc thiểu số.

*\* Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị; xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số; củng cố an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện*

Triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) gắn với Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị (khóa XII) về *đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh* bằng những việc làm thiết thực, cụ thể, sát với tình hình, yêu cầu và nhiệm vụ chính trị của đơn vị, địa phương. Quan tâm tạo nguồn bồi dưỡng, kết nạp đảng viên người dân tộc DTTS bảo đảm đáp ứng yêu cầu cán bộ kế thừa trước mắt và lâu dài; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, bố trí đội ngũ cán bộ dân tộc đạt tỷ lệ theo quy định, chú ý cán bộ trẻ, nữ, có năng lực, có uy tín để đề bạt, bổ nhiệm vào chức danh lãnh đạo, quản lý, khắc phục tình trạng hẫng hụt. Lãnh đạo các đoàn thể không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, phối hợp với chính quyền thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, gắn giáo dục chính trị với chăm lo quyền lợi và đời sống Nhân dân; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Qua các phong trào, tích cực củng cố bộ máy tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ cốt cán là người dân tộc thiểu số, phát triển đoàn viên, hội viên các đoàn thể trong vùng có đông đồng bào dân tộc.

Thường xuyên làm tốt công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện, diễn tập theo quy định; nâng cao chất lượng công tác tuyển quân, tuyển sinh quân sự; thực hiện tốt công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng theo phân cấp. Hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân, tuyển sinh, huấn luyện, diễn tập hàng năm; xây dựng lực lượng thường trực, dân quân tự vệ, dự bị động viên đủ số lượng biên chế theo quy định. Thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống hiệu quả tội phạm, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn giao thông. Phân đầu giữ vững

ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Có 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh.

Xây dựng vững chắc thể trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, chủ động nắm vững chắc diễn biến tình hình, giải quyết những mâu thuẫn nội bộ ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các “điểm nóng”, sẵn sàng đập tan mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, chủ động ngăn chặn các hoạt động chống phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tôn giáo đề lôi kéo, kích động đồng bào dân tộc thiểu số.

*\* Phát triển sản xuất, đẩy nhanh công tác giảm nghèo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số*

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm tỷ trọng các ngành nông nghiệp, tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp, dịch vụ. Thực hiện tốt chính sách thu hút đầu tư và khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng, đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số. Tổ chức triển khai có hiệu quả các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nhà ở, nước sinh hoạt, vốn tín dụng phát triển sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đặc biệt khó khăn, phấn đấu đến năm 2030 giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số còn 0,27%.

Tăng cường đầu tư, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư phát triển công nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm của đồng bào. Thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình xuất khẩu lao động, hỗ trợ người dân tộc thiểu số đi lao động ở nước ngoài.

Tạo cơ hội bình đẳng để đồng bào tiếp cận các nguồn lực phát triển và thụ hưởng các dịch vụ, phúc lợi xã hội; tạo môi trường thuận lợi để thu hút mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

*\* Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng dân tộc*

Tập trung huy động các nguồn lực, đồng thời tranh thủ tỉnh đầu tư một số công trình phục vụ sản xuất, các công trình giao thông quan trọng, phục vụ cho việc đi lại, vận chuyển giao lưu hàng hóa. Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất gắn với giao thông nông thôn. Tiếp tục đầu tư điện cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số đảm bảo phục vụ cho điện tiêu dùng và sản xuất.

Quy hoạch sắp xếp ổn định dân cư gắn với đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và xây dựng nông thôn mới. Phát triển hạ tầng, truyền dẫn phát sóng đồng bộ, đảm bảo chuyển tải các dịch vụ phát thanh, viễn thông và công nghệ thông tin đáp ứng nhu cầu sản xuất, sinh hoạt của người dân tộc thiểu số; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số; các chính sách an sinh xã hội và chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

*\* Phát triển toàn diện các lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân*

Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và thực hiện các dịch vụ y tế cụm, trạm y tế xã, bệnh viện huyện bảo đảm hiệu quả. Thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, thể nhẹ cân còn



4,12%. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế khám chữa bệnh cho người dân tộc thiểu số theo Luật Bảo hiểm y tế và chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo theo quy định. Đào tạo cán bộ y tế xã là người dân tộc thiểu số đạt chuẩn; đẩy mạnh công tác y tế dự phòng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, không để xảy ra dịch bệnh nguy hiểm.

*\* Bảo tồn, phát triển văn hóa, xã hội vùng dân tộc thiểu số*

Tiếp tục bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa, ngôn ngữ, chữ viết, tập quán, tín ngưỡng truyền thống tốt đẹp của đồng bào dân tộc. Xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng dân tộc thiểu số gắn với di tích lịch sử ở từng địa phương. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, thông tin. Nâng cao chất lượng tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thiểu số chống các biểu hiện mê tín, dị đoan, suy thoái đạo đức, lối sống. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, sự tiến bộ của phụ nữ, chăm sóc và bảo vệ quyền trẻ em dân tộc thiểu số, hỗ trợ trẻ em nhất là trẻ em nghèo vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

*\* Tập trung đầu tư phát triển địa bàn đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số*

Huy động và lồng ghép các nguồn lực để thực hiện tốt các chính sách đặc thù, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ và của tỉnh ở các xã, ấp đặc biệt khó khăn. Tổ chức triển khai có hiệu quả chính sách cho vay vốn tín dụng ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất hàng hóa, dịch vụ; chính sách chuyển đổi ngành, nghề, giải quyết tình trạng thiếu nước sinh hoạt của đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn.

*\* Đảm bảo nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường vùng dân tộc thiểu số*

Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nước sinh hoạt hợp vệ sinh theo Quyết định 2085/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; có chính sách ưu tiên về mặt bằng, thuế..., để huy động mọi thành phần kinh tế đầu tư và cung cấp nước sinh hoạt đảm bảo vệ sinh cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Đảm bảo môi trường sống, môi trường sản xuất, giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường; thực hiện chính sách hỗ trợ người dân vùng dân tộc thiểu số trong việc xây dựng các công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm theo tiêu chí của chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu đối với đồng bào dân tộc thiểu số; thực hiện chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế bền vững, nâng cao thu nhập.

*\* Phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ*

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo nguồn cung ổn định, đáp ứng nhu cầu thường xuyên, tính cạnh tranh cho nông sản. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hiện đại hóa nền hành chính. Tăng cường công tác

quản lý nhà nước về tiêu chuẩn đo lường chất lượng; kiểm tra công tác khoa học và công nghệ để chuyển đổi nhận thức mạnh mẽ của toàn xã hội về tầm quan trọng của khoa học công nghệ phục vụ tái cơ cấu kinh tế. Tiếp tục thực hiện chuyển giao ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, xóa bỏ các tập quán canh tác lạc hậu, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển nhanh và bền vững.

Trên đây là kết quả thực hiện Chương trình, chính sách dân tộc trên địa bàn huyện giai đoạn 2015 - 2020 và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp giai đoạn 2020 - 2030, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành báo cáo Ban Dân tộc tỉnh năm, chỉ đạo. /my

**Nơi nhận:**

- Ban Dân tộc tỉnh;
- TT.HU, TT.HĐND huyện;
- CT, các PCT.UBND huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, NCVX;
- Lưu: VT. *hcl*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Minh Tiến**

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 1557 QĐ - TTg GIAI ĐOẠN 2015-2020

Phụ lục số 01

(Kèm theo Báo cáo số: 700/BC-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2020 của UBND huyện Châu Thành)

| Chỉ tiêu đối với đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS)                               | Năm 2015 | Chỉ tiêu đề ra năm 2020 | Kết quả đạt được chỉ tiêu đến năm 2020 | Kết quả đạt được so với kế hoạch (%) | Chỉ tiêu đề ra năm 2025                  | Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2030           | Ghi chú |
|---|----------|-------------------------|--|--------------------------------------|--|--|---------|
| <b>Xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói</b>                            |          |                         |  |                                      |  |  |         |
| Tỷ lệ hộ nghèo DTTS (%)   | 25,93    | 6,75                    | 6,75                                   | 100                                  | 0,61                                     | 0,27                                     |         |
| Tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng/tuổi ở trẻ em dưới 5 tuổi (%)                     | 12,3     | 6,61                    | 6,61                                   | 100                                  | 5,22                                     | 4,12                                     |         |
| <b>Phổ cập giáo dục tiểu học</b>  |          |                         |  |                                      |  |  |         |
| Tỷ lệ trẻ em DTTS nhập học đúng tuổi bậc tiểu học (%)                           | 95       | 97                      | 97                                     | 100                                  | 99                                       | 100                                      |         |
| Tỷ lệ người DTTS hoàn thành chương trình tiểu học (%)                           | 90       | 99                      | 99                                     | 100                                  | 100                                      | 100                                      |         |
| Tỷ lệ người DTTS từ 10 tuổi trở lên biết chữ phổ thông (%)                      | 91       | 95                      | 95                                     | 100                                  | 99                                       | 100                                      |         |
| <b>Tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ</b>                |          |                         |  |                                      |  |  |         |
| Tỷ lệ mù chữ của nữ người DTTS (%)  | 15       | 10                      | 10                                     | 100                                  | >10                                      | >10                                      |         |
| Tỷ lệ học sinh nữ DTTS ở bậc tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông (%) | 50,5     | 45                      | 49                                     | 100                                  | >50                                      | >50                                      |         |
| Tỷ lệ đại biểu nữ DTTS ở HĐND cấp xã (%)/Tổng số đại biểu HĐND                  | 4,03     | 6                       | 8,06                                   | 100                                  | Do Ủy Ban Quốc Hội ấn định theo nhiệm kỳ | Do Ủy Ban Quốc Hội ấn định theo nhiệm kỳ |         |



